

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HSST

Ngày: 07 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

2. Ông Vũ Văn Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn D**; Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 22/10/1985, tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lò Văn T; Con bà: Lò Thị T; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Có 03 tiền án: Ngày 20/02/2006 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ngày 17/10/2006 bị cáo chấp hành xong phần hình phạt, chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại; Ngày 26/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 24 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ngày 23/3/2011 chấp hành xong toàn bộ bản án; Ngày 23/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 07 năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 24/11/2020 chấp hành xong toàn bộ bản án; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/01/2008 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ngày 17/6/2009 chấp hành xong toàn bộ bản án; Do tài sản trộm cắp của bị cáo dưới 500.000đ, nên bản án này bị cáo đã được xóa án tích theo

Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/06/2009 của Quốc Hội. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2021, sau đó bị tạm giam, cho đến ngày xét xử (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 00 phút ngày 13/10/2021, Công an thành phố Đ phối hợp với phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đ làm nhiệm vụ, phát hiện bị cáo Lò Văn D đang đi bộ trên đường thuộc bản Hua Luông, xã Nà Tấu, thành phố Đ. Nghi vấn bị cáo phạm tội về ma túy, nên yêu cầu kiểm tra. Bị cáo đã thả 01 gói nilon màu trắng, trong có 02 gói nhỏ, 01 gói có cục chất bột màu trắng và một gói bên trong có 01 viên nén màu hồng và 01 cục chất bột màu hồng. Bị cáo khai đó là ma túy loại màu trắng là Heroine, loại màu hồng là Methamphetamine. Nguồn gốc số ma túy Heroine trên là bị cáo mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, không quen biết hết 1.190.000đ và được cho 02 viên hồng phẩn gói trong mảnh nilon màu hồng. Trên đường về bị cáo vào bụi cây ven đường lấy một ít ma túy Heroine và một phần viên hồng phẩn ra sử dụng bằng hình thức hút và chích. Sau đó bị cáo gói số ma túy còn lại như ban đầu. Xé một mảnh nilon màu trắng, gói thành một gói, trên đường mang về để sử dụng thì bị bắt giữ.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 14/10/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và kết luận giám định số 1174/GĐ-PC09 ngày 20/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng 2,48gam; Mẫu viên nén màu hồng và cục bột màu hồng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng 0,13 gam;

Tại bản cáo trạng số 174/CT-VKS-TPĐBP ngày 29/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lò Văn D về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 1,32 gam Heroine, 0,08 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn D không bổ sung thêm lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 09 giờ 00 phút ngày 13/10/2021, tại bản Hua Luồng, xã Nà Tấu, thành phố Đ, bị cáo Lò Văn D đã có hành vi cất giấu trái phép 2,48 gam Heroine và 0,13 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 19 giờ 20 phút ngày 13/10/2021, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 14/10/2021, kết luận giám định số 1174/GĐ-PC09 ngày 20/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định, hành vi tàng trữ 2,48 gam Heroine và 0,13 gam Methamphetamine của bị cáo, với mục đích để sử dụng là phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Về tình tiết tăng nặng: Ngày 20/02/2006 bị cáo Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ngày 17/10/2006 bị cáo chấp hành xong phần hình phạt, chưa chấp hành xong phần bồi thường thiệt hại; Ngày 26/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện M áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48 (Tình tiết tăng nặng tái phạm), điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999, xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 23/3/2011 chấp hành xong toàn bộ bản án; Ngày 23/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện M áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194/BLHS (Tái phạm nguy hiểm) xử phạt 07 năm tù về tội " Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 24/11/2020 chấp hành xong toàn bộ bản án; Nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 29/01/2008 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 12 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ngày 17/6/2009 chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích theo Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/06/2009 của Quốc Hội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Mặc dù đã phải đi chấp hành án nhiều lần về tội trộm cắp tài sản và tội mua bán trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội. Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời

gian dài, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ truy tố bị cáo Lò Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, bị cáo nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Với khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ, căn cứ vào hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, tại bản Lọng Luông, xã Mường Phăng, nhưng không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Vật chứng: 1,32 gam Heroine, 0,08 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), là vật nhà nước cất tàng trữ, 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
- Xử phạt bị cáo Lò Văn D 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (13/10/2021).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS tịch thu tiêu hủy 1,32 gam Heroine, 0,08 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ*).

3. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS, Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **15/2019/HSST**

Đ, ngày 06 tháng 3 năm 2019

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 15/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Khắc Phả; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/10/1968;

Nơi cư trú: Tổ 02, xã Thanh Minh, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Thợ xây; Con ông: Phạm Khắc Phiệt (Đã chết); Con bà: Lưu Thị Tơ - sinh năm 1941 (Còn sống); Vợ: Nguyễn Thị Nhung; Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
 - Tuyên bố bị cáo Phạm Khắc Phả phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".
 - Xử phạt bị cáo Phạm Khắc Phả 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (29/10/2018).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,12 gam Heroine, 0,53 gam Methamphetamine (vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 vỏ bao thuốc lá Kent, 01 mảnh giấy bạc màu trắng, 02 mảnh giấy vệ sinh màu trắng, 02 mảnh nilon màu trắng trong suốt, 03 ống Novocain 3% loại 2ml, 01 bơm kim tiêm loại 3ml đã qua sử dụng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2019 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ*).

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại cho chị Nguyễn Thị Nhung chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu sơn đen, số máy JC54E-3044701, số khung RLHJC5381EZ029004, BKS 27B1-382.20 kèm chìa khóa xe.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/3/2019).

THẨM PHÁN

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM

Kính gửi: UBND xã Thanh Xương, huyện Đ, tỉnh Đ

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quảng Văn Thương; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 01/01/1989; Tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Đội 03, xã Thanh Xương, huyện Đ, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Quảng Văn Tộ - Sinh năm 1940 (Còn sống); Con bà: Quảng Thị Óng (Đã chết); Vợ: Lò Thị Xuân;

Bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 94/2019/HSST ngày 28/11/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Quảng Văn Thương phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Quảng Văn Thương 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (23/9/2019).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 0,2 gam heroine, 0,96 gam Methamphetamine (vật chứng hoàn lại sau giám định), 01 tờ giấy màu trắng hồng, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 bát lửa ga, 01 điều tự chế. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2019 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Đ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ vào Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ thông báo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú được biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HSVA;

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy Thành